

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 376/2022/DS-PT

Ngày: 12-12-2022

“V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử P thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Nhữg.

Các Thẩm phán: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Bà Lê Thị Bích Tuyền

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Khổng Văn Đa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 394/2022/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 410/2022/QĐ-PT ngày 03 tháng 11 năm 2022, giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị L, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số 289/4, ấp T2, xã T3, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

- **Bị đơn:** Bà Võ Thụy Kim T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số 703/8, ấp T4, xã T3, huyện C, tỉnh Long An.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Trần Quý P, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số 703/8, ấp T4, xã T3, huyện C, tỉnh Long An.

**Người đại diện theo ủy quyền của ông P:**

1. Ông Bùi Duy T1, sinh năm 1978;

2. Ông Lê Văn P1, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: Số 62, đường N, Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Người kháng cáo:** Ông Trần Quý P.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn là bà Lê Thị L trình bày trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

Bà Là tham gia các dây hội do bà T làm chủ hội cụ thể như sau :

Dây hội 1: Ngày 25/02/2021 âm lịch, bà L tham gia dây hội 1.000.000 đồng. Hội có hoa hồng 200.000 đồng. Hội gồm 21 hội viên, bà L tham gia 02 phần, bà L đã đóng cho bà T 15 phần hội sống với số tiền là 20.900.000 đồng.

Dây hội 2: Ngày 28/02/2021 âm lịch, bà L tham gia dây hội 10.000.000 đồng. Hội có hoa hồng 3.000.000 đồng. Hội gồm 16 hội viên, bà L tham gia 01 phần, bà L đã đóng cho bà T 15 phần hội sống với số tiền là 108.450.000 đồng.

Dây hội 3: Ngày 05/9/2021 âm lịch, bà L tham gia dây hội 10.000.000 đồng. Hội có hoa hồng 3.000.000 đồng. Hội gồm 15 hội viên, bà L tham gia 01 phần, bà L đã đóng cho bà T 08 phần hội sống với số tiền là 57.300.000 đồng.

Dây hội 4: Ngày 13/9/2021 âm lịch, bà L tham gia dây hội 3.000.000 đồng. Hội có hoa hồng 1.000.000 đồng. Hội gồm 16 hội viên, bà L tham gia 01 phần, bà L đã đóng cho bà T 08 phần hội sống với số tiền là 17.960.000 đồng.

Dây hội 5: Ngày 13/9/2021 âm lịch, bà L tham gia dây hội 5.000.000 đồng. Hội có hoa hồng 2.000.000 đồng. Hội gồm 16 hội viên, bà L tham gia 01 phần, bà L đã đóng cho bà T 08 phần hội sống với số tiền là 29.025.000 đồng.

Dây hội 6: Ngày 05/10/2021 âm lịch, bà L tham gia dây hội 5.000.000 đồng. Hội có hoa hồng 2.000.000 đồng. Hội gồm 16 hội viên, bà L tham gia 01 phần, bà L đã đóng cho bà T 16 phần hội sống với số tiền là 29.300.000 đồng.

Dây hội 7: Ngày 08/10/2021 âm lịch, bà L tham gia dây hội 10.000.000 đồng. Hội có hoa hồng 3.000.000 đồng. Hội gồm 15 hội viên, bà L tham gia 01 phần, bà L đã đóng cho bà T 07 phần hội sống với số tiền là 50.250.000 đồng.

Dây hội 8: Ngày 15/11/2021 âm lịch, bà L tham gia dây hội 5.000.000 đồng. Hội có hoa hồng 2.000.000 đồng. Hội gồm 16 hội viên, bà L tham gia 01 phần, bà L đã đóng cho bà T 07 phần hội sống với số tiền là 25.325.000 đồng.

Dây hội 9: Ngày 18/01/2022 âm lịch, bà L tham gia dây hội 2.000.000 đồng. Hội có hoa hồng 500.000 đồng. Hội gồm 16 hội viên, bà L tham gia 01 phần, bà L đã đóng cho bà T 05 phần hội sống với số tiền là 7.310.000 đồng.

Dây hội 10: Ngày 27/02/2022 âm lịch, bà L tham gia dây hội 5.000.000 đồng. Hội có hoa hồng 2.000.000 đồng. Hội gồm 16 hội viên, bà L tham gia 01 phần, bà L đã đóng cho bà T 03 phần hội sống với số tiền là 11.200.000 đồng.

Dây hội 11: Ngày 29/3/2022 âm lịch, bà L tham gia dây hội 10.000.000 đồng. Hội có hoa hồng 3.000.000 đồng. Hội gồm 12 hội viên, bà L tham gia 01 phần, bà L đã đóng cho bà T 02 phần hội sống với số tiền là 14.050.000 đồng.

Đến ngày 16/6/2022, bà Võ Thụy Kim T tuyên bố vỡ hội. Bà T đã trả cho bà L số tiền 30.000.000 đồng. Bà Là đóng hội dư số tiền 8.530.000 đồng.

Tổng số tiền hụi bà T còn nợ bà L là 349.600.000 đồng.

Nay bà L yêu cầu bà Võ Thụy Kim T và ông Trần Quý P liên đới trả cho bà L số tiền đóng hụi là 349.600.000 đồng. Bà L không đồng ý với việc bà T trả nhiều lần và chỉ có bà T trả tiền cho bà L.

*Bị đơn bà Võ Thụy Kim T trình bày:*

Bà L có tham gia các dây hụi do bà T làm chủ hụi như bà L trình bày. Bà T còn nợ bà số tiền hụi là 349.600.000 đồng. Bà T đồng ý trả cho bà L số tiền hụi là 349.600.000 đồng trong thời gian 03 tháng, ông P là chồng bà T không biết việc chơi hụi giữa bà T và bà L, nên ông P không liên đới cùng bà T trả tiền hụi cho bà L.

*Ông Lê Văn P1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Quý P trình bày:*

Ông P không biết việc bà T tổ chức các dây hụi. Bà T tổ chức góp hụi là việc riêng của bà T, không nhằm mục đích sinh hoạt chung trong gia đình, không tạo ra bất kỳ tài sản nào. Khi xảy ra việc vỡ hụi, mọi người tìm tới nhà đòi tiền thì ông P mới biết. Ông P không đồng ý liên đới cùng bà T trả tiền hụi.

Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An đã quyết định như sau:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 288, 468 và 471 của Bộ luật dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu trả tiền hụi của bà Lê Thị L, buộc bà Võ Thụy Kim T và ông Trần Quý P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị L số tiền hụi là 349.600.000 đồng (ba trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành hoàn tất số tiền trên, thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Lê Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thụy Kim T và ông Trần Quý P có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 17.480.000 đồng (mười bảy triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật. Ngày 29/9/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quý P kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm đã tuyên, đề nghị Tòa phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc buộc ông Trần Quý P liên đới trả tiền cùng bà Võ Thụy Kim T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không đồng ý kháng cáo; ông T1, ông P1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà T đồng ý kháng cáo.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Quan điểm giải quyết vụ án dân sự đối với bản án sơ thẩm bị kháng cáo: Bà T tổ chức chơi hội với các hội viên là trong thời kỳ hôn nhân của bà T với ông P, việc bà T tổ chức chơi hội đến khi vỡ hội diễn ra trong một thời gian dài tại nhà của ông P, bà T; ông P có trực tiếp cùng bà T đi giao tiền hốt hội cho bà L nên việc ông P trình bày ông không biết việc bà T tổ chức chơi hội là không có cơ sở chấp nhận. Ông P, bà T cho rằng hai người làm ăn riêng, kinh tế độc lập nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh trong khi đó nguyên đơn cung cấp hình ảnh bảng hiệu cửa hàng thuốc thú y “P T” hai người cùng mua bán, để chứng minh ông P, bà T cùng làm ăn chung. Do đó T và ông P phải liên đới thanh toán nợ vốn góp hội cho bà L phù hợp với quy định tại các Điều 288, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình và các Điều 14, 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Quý P. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ông Trần Quý P kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục P thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo của ông Trần Quý P yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ liên đới. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo thấy rằng: Bà Lê Thị L yêu cầu bà Võ Thụy Kim T và ông Trần Quý P liên đới trả cho bà L tiền vốn hội là 349.600.000 đồng. Bà T đồng ý trả nên cấp sơ thẩm buộc bà T cùng chồng là ông Trần Quý P phải trách nhiệm

liên đới trả nợ. Ông P không đồng ý bản án và kháng cáo cho rằng ông không biết việc bà T tổ chức chơi hụi, việc tổ chức chơi hụi là việc của cá nhân bà T không nhằm mục đích sinh hoạt chung cho gia đình nên ông không có trách nhiệm liên đới. Xét thấy, việc bà T tổ chức chơi hụi với các hụi viên là trong thời kỳ hôn nhân của bà T và ông P, vợ chồng có đăng ký kết hôn, bà T đứng tên hộ kinh doanh cá thể, bà T và ông Phúc cùng kinh doanh cửa hàng thuốc thú y Phúc T. Bà Võ Thụy Kim T và ông Trần Quý P không có phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, việc bà T tổ chức chơi hụi đến khi vỡ hụi diễn ra trong một thời gian dài, như cấp sơ thẩm đã nhận định và buộc ông P liên đới cùng bà T trả nợ hụi cho bà L là có căn cứ.

[4] Do đó, kháng cáo của ông Trần Quý P không được chấp nhận nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. Lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Quý P phải chịu.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo và kháng nghị

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Quý P.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 288, 468 và 471 của Bộ luật dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu trả tiền hụi của bà Lê Thị L, buộc bà Võ Thụy Kim T và ông Trần Quý P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị L số tiền hụi là 349.600.000 đồng (ba trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành hoàn tất số tiền trên, thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thụy Kim T và ông Trần Quý P có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 17.480.000 đồng (mười bảy triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Quý P phải chịu 300.000 đồng, do ông P đã có nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008070 ngày 06/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, nên số tiền trên được chuyển sang án phí.

4. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TANDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Văn Nhữ**



